

Chương 4. Luật dân sự và Tố tụng dân sự

4.2.5.3. Thùa kế theo di chúc

a. Khái niệm

Thùa kế theo di chúc là việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người khác còn sống theo ý chí tự nguyện của người đó lúc còn sống được thể hiện trong di chúc.

b. Điều kiện để di chúc có hiệu lực pháp lý

Việc lập di chúc phải tuân theo các quy định của pháp luật về hình thức, nội dung, quy định về người lập di chúc. Cụ thể:

- *Về hình thức:* Di chúc có thể lập thành văn bản hoặc bằng miệng. Di chúc bằng văn bản bao gồm:

- + Di chúc bằng văn bản có người làm chứng
- + Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng
- + Di chúc bằng văn bản có công chứng
- + Di chúc bằng văn bản có chứng thực

Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải do người lập di chúc tự viết và ký tên (Điều 633 BLDS năm 2015). Di chúc bằng văn bản có người làm chứng thì phải có ít nhất hai người làm chứng. Người làm chứng phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về người làm chứng: đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, không là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc hoặc tài sản trong di chúc (Điều 634 BLDS năm 2015).

Lưu ý: Người để lại thừa kế cũng có thể lập di chúc miệng nhưng di chúc này chỉ được lập trong trường hợp thật đặt biệt khi tính mạng của người đó đang bị đe dọa nghiêm trọng nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Hai người làm chứng phải ghi ra văn bản và ký tên. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày lập di chúc, di chúc phải được đi công chứng, chứng thực (Điều 630).

- *Về nội dung:* (Điều 631)

Di chúc phải tuân thủ pháp luật về mặt nội dung, có nghĩa là nội dung di chúc phải đủ các nội dung mà pháp luật quy định. Cụ thể:

+ Ngày, tháng, năm lập di chúc;

+ Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc

+ Họ, tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản hoặc xác định rõ các điều kiện để cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản;

+ Di sản để lại và nơi có di sản;

Ngoài những nội dung trên, người lập di chúc có thể thêm những nội dung khác mà họ muốn. Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Nếu di chúc có chỗ tẩy xóa thì người lập di chúc hoặc người làm chứng phải ký tên bên cạnh chỗ tẩy xóa.

- *Về người lập di chúc:*

+ Người lập di chúc phải là cá nhân có năng lực lập di chúc: Lúc lập di chúc phải minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

+ Riêng đối với trường hợp quy định tại Điều 630, Bộ luật Dân sự 2015 về việc lập di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi thì quy định những người này có thể lập di chúc nhưng phải bằng văn bản và được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

+ Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực

c. Quyền của người lập di chúc

Điều 626 BLDS năm 2015 quy định người lập di chúc có các quyền sau đây:

- *Chỉ định người thừa kế:* Người lập di chúc có quyền chỉ định bất kỳ ai, bao gồm cá nhân, pháp nhân, người thừa kế khác không phải là cá nhân, kể cả Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc một cơ quan nhà nước xác định hưởng di sản thừa kế theo di chúc

- *Truất quyền hưởng di sản của người thừa kế*: Người lập di chúc có quyền không cho người thừa kế theo pháp luật được hưởng thừa kế mà không cần nêu rõ lý do. Truất quyền thừa kế là việc người để lại di sản xác định rõ trong di chúc về việc không cho ai được hưởng di sản của mình.

Việc truất quyền thừa kế cũng có nhiều điểm khác biệt với trường hợp không có quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 621 BLDS năm 2015:

Những điểm khác	Truất quyền hưởng DS	Không có quyền hưởng DS
Đối tượng áp dụng	Chỉ áp dụng đối với người thừa kế theo pháp luật.	Cả người thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc.
Căn cứ áp dụng	Di chúc hợp pháp nói rõ không cho hưởng di sản (do ý chí của người để lại di sản quyết định).	Pháp luật quy định không cho hưởng di sản (do ý chí của nhà làm luật quyết định).
Lý do áp dụng	Khi truất quyền, người lập di chúc không cần nêu lý do.	Do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 621 BLDS năm 2015.
Hậu quả pháp lý và trường hợp ngoại lệ	Không có quyền hưởng di sản trừ trường hợp người thừa kế đó thuộc diện thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc theo Điều 644 BLDS năm 2015 thì họ có thể được hưởng thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc.	Không có quyền hưởng di sản trừ trường hợp người đó được người để lại di sản cho hưởng thừa kế theo di chúc, sau khi đã biết về hành vi trái pháp luật của họ.
Tư cách thừa kế	Vẫn là một nhân suất thừa kế để tính 01 suất TKTPL khi	Không coi là một nhân suất khi tính 01 suất TKTPL để chia thừa

	chia thừa không phụ thuộc nội dung di chúc.	kế không phụ thuộc nội dung di chúc.
--	--	--------------------------------------

- *Phân định phần di sản cho từng người thừa kế:* Người lập di chúc có thể phân định phần di sản cụ thể cho từng người thừa kế, nhưng không nhất thiết phải chia cho họ những phần đều nhau. Người để lại di sản cũng có thể phân chia cho mỗi người thừa kế bằng các tài sản cụ thể (bằng hiện vật, hay bằng một số tiền), có thể phân tổng quát theo một tỷ lệ phần trăm xác định tính trên giá trị khối di sản, như một nửa (1/2), hoặc hai phần ba (2/3)...
- Ngoài ra, người để lại di sản còn có các quyền như: Dành phần di sản trong khối di sản vào việc di tặng cho người khác hay dùng vào việc thờ cúng; Giao nghĩa vụ cho những người thừa kế trong phạm vi di sản; Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, phân chia di sản.

d. Thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc

Khái niệm

Thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc là trường hợp đặc biệt của thừa kế theo pháp luật, chứ không phải là một loại thừa kế theo di chúc, bởi lẽ, căn cứ làm phát sinh quyền thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc là quy định của pháp luật.

Điển những người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc là nhóm những người nằm trong hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản, đáng lẽ có thể được thừa kế theo luật, nhưng đã bị người để lại di sản truất quyền hưởng di sản bằng cách nói rõ trong di chúc về việc không cho họ hưởng di sản hoặc tuy không nói rõ điều đó trong di chúc, nhưng thực tế lại không dành cho họ được hưởng di sản thừa kế hoặc có dành cho họ một phần di sản nhưng ít hơn hai phần ba của một suất thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 644 BLDS năm 2015, diện thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc bao gồm những người sau đây:

- *Cha, mẹ của người đẻ lại di sản*: cha, mẹ nói ở đây bao gồm cả cha mẹ đẻ, và cha mẹ nuôi. Cha, mẹ nuôi phải là cha, mẹ nuôi hợp pháp, tuân thủ theo các quy định liên quan về cha, mẹ nuôi và con nuôi theo quy định của pháp luật hôn nhân – gia đình.
- *Vợ hoặc chồng của người đẻ lại di sản*. Vợ chồng ở đây phải là vợ chồng hợp pháp, tuân thủ quy định liên quan của pháp luật hôn nhân – gia đình.
- *Con chưa thành niên, con đã thành niên mà không có năng lao động để tự nuôi sống mình*. Các con không phân biệt con đẻ, hoặc con nuôi, con trong giá thú hay con ngoài giá thú đều thuộc diện thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc.